

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/HS-ST
Ngày 09-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Minh Phụng.

Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Kim Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2024/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2024 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số: 04/TB-TA ngày 23 tháng 4 năm 2024, đối với bị cáo:

Lê Minh P, sinh năm 2000, tại tỉnh Đồng Tháp; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N, sinh năm 1978 và bà Lê Thị T, sinh năm 1978; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Võ Chí N1, sinh năm 1992 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người làm chứng: Nguyễn Thị Gái N2, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 02 giờ, ngày 02/12/2023, Lê Minh P đi bộ một mình từ ấp L, xã P, huyện T đến gần cầu K ấp P, xã P, huyện T phát hiện dưới kênh có vỏ lãi Composite màu vàng-trắng-đỏ, trên vỏ lãi có đầu máy xăng nhãn hiệu Honda, công suất 5.5 mã lực, màu trắng-đỏ-đen, phía dưới đầu máy xăng có gắn dàn sắt xi bằng inox, màu trắng không người trông coi của anh Võ Chí N1 đang buộc bằng sợi dây dù vào gốc cây (không có ổ khóa), đối diện cách nhà anh N1 14m. P đi đến dùng tay mở dây dù và điều khiển về neo đậu tại ấp L, xã P, huyện T. Đến 15 giờ, ngày 03/12/2023 P gặp Trần Văn M (K) nhờ bán dùm vỏ lãi nhưng không nói rõ nguồn gốc vỏ lãi ở đâu mà có, M không nói gì và đi thẳng về nhà M. Sau đó, vào lúc 15 giờ 45 phút cùng ngày Chó Con (không biết họ và địa chỉ cụ thể) đến gặp P hỏi để bán dùm, P trả lời muốn bán vỏ lãi, đầu máy xăng và dàn sắt xi trên với giá 1.500.000 đồng. Một lúc sau Chó Con điện thoại cho P kêu điều khiển vỏ lãi trên đi đến phía sau trường M1 để gặp người mua. P điều khiển đến gần bến cá của ông 7 Nhớ thuộc ấp L, xã P, huyện T thì gặp một thanh niên (không biết họ tên và địa chỉ cụ thể, chỉ đoán khoảng 30 tuổi) kêu P tiếp tục điều khiển đến cửa hàng V thuộc ấp L, xã P, huyện T sẽ có người đón. P điều khiển vỏ lãi qua địa điểm hẹn trên khoảng 300m gặp lại người thanh niên trên và một người đàn ông (không biết họ, tên và địa chỉ cụ thể, chỉ đoán khoảng 50 tuổi) đến xem vỏ lãi, sau đó nói do vỏ lãi đã cũ nên cả hai không mua và bỏ đi.

Do không bán được nên P gửi nhờ vỏ lãi, đầu máy xăng, dàn sắt xi cho bà Nguyễn Thị Gái N2 nhưng không nói cho bà N2 biết là tài sản trộm cắp, hẹn 1, 2 ngày sẽ đến lấy lại, bà N2 đồng ý. Đến ngày 04/12/2023 Công an đến mời P về làm việc và P thừa nhận hành vi trộm tài sản và chỉ nơi gửi để Công an thu hồi tài sản bị mất trộm đúng như nội dung đã nêu trên.

Vật chứng thu giữ: 01 vỏ lãi Composite, nhãn hiệu TCS, kích thước dài 5,9m, rộng 0,7m, màu xanh-trắng-đỏ (đã qua sử dụng); 01 đầu máy xăng nhãn hiệu Honda, công suất 5.5 mã lực, màu trắng-đỏ-đen, phía dưới có gắn dàn sắt xi bằng inox màu trắng, dài 2,8m có gắn chân vịt (đã qua sử dụng).

Kết luận định giá tài sản số: 38/KL-ĐGTS ngày 14/12/2023 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T, kết luận: 01 vỏ lãi Composite, nhãn hiệu TCS, kích thước dài 5,9m, rộng 0,7m, màu xanh-trắng-đỏ (đã qua sử dụng), giá trị định giá 2.200.000 đồng; 01 đầu máy xăng nhãn hiệu Honda, công suất 5.5 mã lực, màu trắng-đỏ-đen có gắn dàn sắt xi bằng inox màu trắng, dài 2,8m có gắn chân vịt (đã qua sử dụng), giá trị định giá 1.600.000 đồng. Tổng giá trị tài sản 3.800.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 14/CT-VKSTN ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông đã truy tố bị cáo Lê Minh P phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên phân tích các tình tiết cấu thành tội phạm và khẳng định cáo trạng truy tố bị cáo P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Lê Minh P, phạm tội “Trộm cắp tài sản” mức hình phạt từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đã trả lại cho bị hại xong nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Bị cáo Lê Minh P thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” như nội dung cáo trạng đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên, không tham gia tranh luận với Kiểm sát viên. Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị hại có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Đối với bị hại, người làm chứng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra và đã trình bày yêu cầu trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt anh N1, bà N2 theo quy định tại Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản khám nghiệm hiện trường, Sơ đồ hiện trường và Bản ảnh cùng ngày 04/12/2023 của Công an huyện T; Bản kết luận định giá tài sản số: 38/KL-ĐGTS ngày 14/12/2023 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Lời khai bị hại, người làm chứng, cùng toàn bộ chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 02/12/2023 bị cáo Lê Minh P đi đến gần cầu K thuộc ấp P, xã P, huyện T lợi dụng tài sản không có người trông giữ, P lén lút lấy trộm vỏ lãi Composite màu vàng-trắng-đỏ, trên vỏ lãi có đầu máy xăng nhãn hiệu Honda, công suất 5,5 mã lực, màu trắng-đỏ-đen, phía dưới đầu máy xăng có gắn dàn sắt xi bằng inox, màu trắng của anh Võ Chí N1 đang buộc bằng sợi dây dù (không có ổ khóa, đối diện nhà anh N1 14 mét), mục đích đem tài sản đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tuy nhiên, bị cáo P chưa bán được thì bị lực lượng Công an phát hiện và thu giữ tang vật. Theo kết luận định giá tổng tài sản bị chiếm đoạt có giá trị 3.800.000 đồng nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Hành vi của bị cáo là xem thường pháp luật, nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật, ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an ở địa phương. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo biết rõ nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Ngoài ra, bị cáo đang ở độ tuổi lao động, có đủ sức khỏe để lao động tạo thu nhập nuôi sống bản thân nhưng với bản tính lười lao động, mong muốn có tiền nhanh để tiêu xài thỏa mãn bản thân nên đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản đã nêu trên. Căn cứ vào nhân thân, tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cần thiết phải áp dụng mức hình phạt tương xứng để ngăn ngừa, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có ông bà nội là người có công với cách mạng cụ thể: Ông Lê Văn P1 được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba năm 2001; Chủ tịch nước tặng hạng nhất năm 2001 và Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng tặng Bằng khen năm 1998

đã góp công, góp sức trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và bà Huỳnh Thị D được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất năm 1988. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Hình phạt bổ sung: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa xét thấy bị cáo làm thuê thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng của vụ án: Ngày 23/12/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại tài sản cho người bị hại nhận lại xong, không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Đối với Trần Văn M (K): Tại phiên tòa, bị cáo P khai có nhờ M bán dùm tài sản trộm cắp nhưng M không trả lời mà bỏ đi và không biết M có biết tài sản này do bị cáo trộm cắp mà có hay không. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra chưa làm việc được với M do không có mặt tại địa phương, đi đâu không rõ theo Biên bản xác minh ngày 15/01/2024 và ngày 25/01/2024 của Công an huyện T. Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện T tiếp tục xác minh làm rõ đối với M và xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với người tên Chó C, nam thanh niên cùng người đàn ông đến hỏi mua võ lãi của bị cáo P trộm được. Bị cáo P khai không biết họ, tên và địa chỉ cụ thể của những người nêu trên và chưa làm việc được với những người này. Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện T tiếp tục xác minh làm rõ và xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

[10] Đối với Nguyễn Thị Gái N2 không quen biết với bị cáo P, bị cáo P cũng không nói cho bà Gái N2 biết võ lãi và dàn máy là tài sản do bị cáo trộm cắp có được. Việc bà Gái N2 đồng ý giữ dùm võ lãi và đầu máy gắn trên võ lãi nhưng khi không thấy bị cáo quay lại lấy tài sản nên bà N2 cùng con Nguyễn Thanh T1 (hiện không có mặt tại địa phương theo biên bản xác minh ngày 23/01/2024 của Công an huyện T) đem đầu máy và dàn sắt xi có gắn chân vịt để lên nhà khóa lại do sợ bị mất đến khi Công an đến đã giao lại tài sản để trả lại cho bị hại. Vì vậy, không có căn cứ để xem xét xử lý trách nhiệm của bà Gái N2.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tại phiên tòa là có cơ sở, phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Minh P phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Minh P 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lê Minh P phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tam Nông;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- CQ CSĐT CA H. Tam Nông;
- CQ THAHS CA H. Tam Nông;
- Nhà tạm giữ CA H. Tam Nông;
- Chi cục THADS H. Tam Nông;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)
Huỳnh Kim Oanh**